

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 09/2023/DS-GĐT

Ngày 10-02-2023

Vụ án “Tranh chấp hợp đồng xây dựng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- *Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Cường
Các Thẩm phán: Ông Lê Tự và ông Nguyễn Cường.
- *Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Châu - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.*
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.*

Ngày 10-02-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng xây dựng”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần T; địa chỉ: Số 04 Trần Đại Nghĩa, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Tổng Giám đốc.

2. Bị đơn: Trại giam Đ; địa chỉ: Xã Ea K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh Q - Chức vụ: Giám thị Trại giam Đ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cục Cảnh sát quản lý Trại giam, sở sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng (Cục C10- Bộ Công an); địa chỉ: Số A, ngõ B, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, Công ty Cổ phần T trình bày:

Ngày 28-12-2012, Doanh nghiệp tư nhân T (nay là Công ty Cổ phần T) và Trại giam Đ ký kết Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 02/2012/HĐ-XD để thực hiện xây dựng gói thầu xây lắp số 01 là Phân trại K3 - Trại giam Đ.

Thực hiện Quyết định số 9632/QĐ/C81-C87 ngày 28-12-2012 của Tổng Cục trưởng Tổng cục VIII và Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 02/2012/HĐ-XD ngày 28-12-2012, Công ty Cổ phần T (nhà thầu) cùng với Trại giam Đ (chủ đầu tư) và các bên liên quan phối hợp khắc phục nhiều khó khăn. Trong quá trình thực hiện dự án đã tổ chức triển khai thi công xây dựng hoàn thành công trình đúng hồ sơ thiết kế được duyệt, đảm bảo về chất lượng, kỹ thuật và tiến độ, bàn giao cho chủ đầu tư đưa vào sử dụng đối với gói thầu số 01 vào ngày 30-6-2014.

Theo kế hoạch đấu thầu được duyệt, dự án đầu tư xây dựng Phân trại mới số 3 - Trại giam Đg được chia làm 2 gói thầu xây lắp. Trên cơ sở sau khi xây dựng và hoàn thành gói thầu xây lắp số 01, chủ đầu tư cần đưa công trình vào sử dụng ngay. Tuy nhiên, gói thầu số 01 nếu đưa vào sử dụng thì cần phải xây dựng thêm một số hạng mục thuộc gói thầu số 02. Vì vậy, ngày 30-6-2014, Trại giam Đ đã ký hợp đồng là Văn bản thỏa thuận với Công ty Cổ phần T để xây dựng thêm một số hạng mục công trình cấp bách thuộc gói thầu xây lắp số 02, bao gồm các hạng mục sau: Nhà thăm gặp, nhà ở cán bộ quản giáo, nhà kỹ luật số 02, tường rào cấm, tường rào phân khu thoáng, tường rào phân khu kín và sân đường nội bộ khu giam giữ.

Để công trình sớm đưa vào sử dụng, lãnh đạo Trại giam Đ đề nghị Công ty Cổ phần T tự chủ động huy động vốn để thi công trước các hạng mục cấp bách, cần thiết thuộc gói thầu xây lắp số 02 theo Văn bản thỏa thuận ký ngày 30-6-2014, phía chủ đầu tư cam kết sẽ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và thanh toán theo giá trị khối lượng đã xây dựng cho Công ty Cổ phần T.

Căn cứ vào các thỏa thuận đã ký với chủ đầu tư, Công ty Cổ phần T tự vay vốn Ngân hàng và các nguồn khác để triển khai thi công xây dựng các hạng mục trên theo đúng hồ sơ thiết kế đã được duyệt, mà chủ đầu tư bàn giao cho công ty như thỏa thuận. Công ty Cổ phần T đã thực hiện việc thi công công trình trong thời gian từ ngày 01-7-2014 đến ngày 29-12-2014. Như vậy, công ty đã hoàn thành sớm hơn thời hạn thỏa thuận và đảm bảo về thiết kế, chất lượng để bàn giao cho Trại giam Đ đưa vào sử dụng.

Sau khi xây dựng xong công trình, các bên đã tiến hành lập biên bản nghiệm thu công trình. Tại Biên bản nghiệm thu công trình ngày 12-01-2015, với giá trị khối lượng xây lắp tại thời điểm đó đã được chủ đầu tư, nhà thầu thi công và đơn vị tư vấn giám sát ký xác nhận là 11.741.215.000 đồng. Tuy nhiên, gói thầu số 02 được đưa vào sử dụng, phía Công ty Cổ phần T đã nhiều lần đề nghị Trại Giam Đ thanh toán giá trị khối lượng công việc đã thực hiện xong cho công ty, nhưng cho đến nay đã hơn 6 năm vẫn chưa được Trại giam Đ thanh toán.

Sau đó, hai bên thống nhất tiến hành thuê kiểm toán lại toàn bộ khối lượng công trình, theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 65a/2021/BCKT-AVN ngày 01-10-2021, thì tổng số nợ chỉ còn lại là 10.702.937.000 đồng và cả hai bên đã nhất trí với số nợ này.

Nay, Công ty Cổ phần Tiến Phát chỉ yêu cầu Trại giam Đ trả số tiền như kết quả kiểm toán sau này là 10.702.937.000 đồng. Trong trường hợp Trại giam Đ có thiện chí trả ngay toàn bộ số nợ nêu trên, thì công ty chỉ yêu cầu trả số tiền nợ gốc, không yêu cầu trả lãi. Trường hợp không đồng ý trả thì Trại giam Đ có nghĩa vụ trả lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm (0,83%/tháng) kể từ ngày 01-01-2016 cho đến nay.

- Bị đơn, Trại giam Đ trình bày:

Trại giam Đ, thuộc Tổng Cục VIII - Bộ công an (nay là Cục C10) được Bộ Công an đầu tư xây dựng công trình thuộc Phân trại số 3, theo Quyết định số 4412/QĐ-H41-H45 ngày 16-8-2010 của Tổng Cục VIII - Bộ Công an. Thực hiện Quyết định số 9632/QĐ/C81-C87 ngày 28-12-2012 của Tổng Cục trưởng Tổng Cục VIII, Trại giam Đ đã tiến hành ký với Công ty Cổ phần T Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 02/2012/HĐ-XD ngày 28-12-2012, cụ thể:

Giai đoạn 1: Thực hiện gói thầu xây lắp số 01, bao gồm các hạng mục 01 nhà làm việc, 02 nhà ở cán bộ chiến sỹ bảo vệ, 01 nhà ăn tập thể, 01 nhà công trại, 01 nhà bệnh xá 07 giường, 01 nhà kho bếp phạm, 04 nhà giam chung + ăn + vệ sinh quy mô 120 phạm, 01 nhà giam riêng 20 chỗ, 01 nhà kỷ luật, 04 chòi gác, 586 m tường rào bảo vệ, hệ thống cấp điện, chiếu sáng ngoài nhà; hệ thống cấp, thoát nước ngoài nhà; hệ thống PCCC, phòng chống mối, san nền;

Hiện nay đã hoàn thành giai đoạn 1 và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán giá trị xây lắp hoàn thành với giá trị hợp đồng là 44.095.943.000 đồng vào ngày 30-6-2014.

Theo quy hoạch được duyệt, Phân trại số 3 được xây dựng trên vị trí cũ, đang được sử dụng để giam giữ phạm nhân nữ. Để thực hiện xây dựng công trình phải tháo dỡ, san ủi tạo mặt bằng thi công, nên phải điều chuyển số phạm nhân nữ sang giam giữ tại Phân trại số 1 (là phân trại đang giam giữ các phạm nhân nam), do đó số phạm nhân trong Phân trại số 1 tăng đột biến, tại thời điểm đó phạm nhân ở Phân trại số 1 cũng diễn biến phức tạp, mặt khác việc giam giữ phạm nhân nữ trong cùng một phân trại với phạm nhân nam gây nhiều khó khăn, phức tạp, nguy cơ mất an toàn, tạo áp lực rất lớn cho đơn vị trong việc quản lý, giam giữ.

Giai đoạn 2: Do yêu cầu cấp thiết, phải thực hiện để đáp ứng nhu cầu sử dụng, quản lý, giam giữ phạm nhân. Trại giam Đ đã thỏa thuận với nhà thầu là Công ty Cổ phần T chủ động về vốn thi công một số hạng mục cấp bách cần thiết cho yêu cầu giam giữ thuộc gói thầu số 02 (giai đoạn 2), giá trị thanh toán được xác định sau khi được các cơ quan chức năng thẩm tra, phê duyệt và thanh toán khi chủ đầu tư bố trí được kế hoạch vốn, bao gồm: 01 nhà kỷ luật, 385 m hàng rào phân khu kín và 220 m hàng rào phân khu thoáng, 599 m hàng rào cấm, 01 nhà thăm gặp, 01 nhà ở cán bộ quản giáo và 5.854 m² sân đường nội bộ khu giam giữ.

Tuy nhiên, do quá trình thực hiện gói thầu có sai phạm về thủ tục đầu tư, nên chưa được các cơ quan chức năng thẩm tra, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán, không tổ chức đấu thầu theo quy định. Vì vậy, trách nhiệm thuộc về Trại giam Đ, nhưng phía Công ty Cổ phần T cũng có sai phạm là không chấp hành theo quy định của Luật Xây dựng và Luật Đấu thầu. Trại giam Đ đã làm các văn bản gửi các cấp có thẩm quyền xin chủ trương cho phép Trại được thực hiện một số hạng mục cấp bách như Báo cáo số 95/BC ngày 10-12-2013, Tờ trình số 11/TTr ngày 09-4-2014, Báo cáo đề xuất số 38/BC ngày 19-4-2014 và đã được Cục C87 hướng dẫn lập hồ sơ xin điều chỉnh dự án tại công Điện mật số 18/ĐK ngày 16-5-2014; ngày 30-10-2014, đơn vị gửi Báo cáo số 63/BC nghiệm thu hoàn thành gửi Cục H45 và ngày 19-11-2014, Phòng 6 - Cục H45 vào kiểm tra nghiệm thu. Sau khi được nghiệm thu, đơn vị trình phê duyệt quyết toán gói xây lắp số 01 và đề nghị điều chỉnh dự án tại Tờ trình số

45/TTr ngày 26-6-2015 và đến ngày 11-12-2017 được phê duyệt điều chỉnh Dự án số 296a/QĐ-H41-H45. Ngày 12-12-2017, đơn vị lập Tờ trình số 107/TTr xin phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu, nhưng chưa được các cấp có thẩm quyền chấp thuận. Ngày 01-8-2019, Cục C10 đã triệu tập cuộc họp gồm Lãnh đạo Cục C10, P16, P17, Trại giam Đắc Trung và nhà thầu bàn về biện pháp thanh quyết toán công trình.

Ngày 13-9-2019, đoàn công tác gồm Cục H01, Cục H02, Cục C10, Trại giam Đ, đơn vị giám sát và nhà thầu đã kiểm tra ghi nhận hiện trạng, đo đạc thực tế tại hiện trường giá trị được xác định là 11.741.215.000 đồng. Ngày 09-4-2020, Cục C10 có Văn bản số 1804/C10-P17, báo cáo Trung tướng Nguyễn Văn S - Thứ trưởng Bộ Công an và đề xuất phương án Cục C10 phối hợp với Cục H01 bố trí nguồn vốn để thanh toán cho nhà thầu bằng hình thức 50% bằng nguồn ngân sách, 50% thanh toán từ nguồn thanh lý cây cao su và thu nhập kết quả lao động học nghề. Thứ trưởng đã có bút phê tại Văn bản số 1804/C10-P17 ngày 14-4-2020 gửi Cục H01, Cục H02 và Cục C10 phối hợp nghiên cứu đề xuất. Ngày 21-4-2020, Cục C10 có Công văn số 1999/CV-C10 gửi Cục H01, Cục H02 phối hợp nghiên cứu đề xuất, nhưng do dịch bệnh Covid-19 và một số nguyên nhân khách quan khác, nên chưa thống nhất được lịch họp giữa các bên để tìm giải pháp để đề nghị Lãnh đạo Bộ Công an bố trí vốn để đơn vị sớm có vốn thanh toán cho nhà thầu.

Nay, Công ty Cổ phần T có đơn khởi kiện yêu cầu Trại giam Đ trả số tiền xây dựng công trình là 10.702.937.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, kể từ ngày nghiệm thu công trình cho đến nay, Trại giam Đ có ý kiến như sau:

Về số tiền nợ của Công ty Cổ phần T thì Trại giam Đ xác nhận là 10.702.937.000 đồng. Đây là số nợ mà hai bên đã thống nhất (kể cả cục C10 - Bộ Công an), theo kết quả kiểm toán độc lập (Báo cáo kiểm toán độc lập số 65a/2021/BCKT-AVN ngày 01-10-2021).

Trại giam Đ có trách nhiệm và thiện trí trả nợ cho Công ty Cổ phần T, nhưng hiện tại chưa có nguồn tiền cụ thể nào, Trại đang xin ý kiến và chờ ý kiến chỉ đạo trực tiếp từ đơn vị chủ quản là Cục C10 Bộ công an. Khi có chủ trương của Cục C10, thì Trại sẽ trả nợ ngay cho Công ty Cổ phần T.

Đối với lãi suất theo yêu cầu khởi kiện bổ sung, Trại giam Đ không chấp nhận trả lãi suất, vì Trại đang cố gắng thu xếp để trả nợ gốc, còn lãi suất thì không có nguồn vốn để trả.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Cục Cảnh sát quản lý Trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng trình bày:

Đối với gói thầu số 02, thuộc dự án đầu tư xây dựng Công trình Phân trại số 3 - Trại giam Đ: Do Trại giam Đ tự ý ký kết với hợp đồng với Công ty Cổ phần T để triển khai thi công khi chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán; lựa chọn nhà thầu không qua đấu thầu theo quy định. Vấn đề này Cục C10 đã báo cáo lãnh đạo Bộ Công an và cấp có thẩm quyền về vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư công, đấu thầu, xây dựng. Vì vậy, căn cứ Luật Xây dựng hiện hành, thì Văn bản thỏa thuận ngày 30-6-2014, giữa Trại giam Đ và Công ty Cổ phần T không được coi là hợp đồng kinh tế, do đó hai bên phải chịu trách nhiệm.

Đối với trách nhiệm trả nợ như đơn khởi kiện, Cục C10 - Bộ Công an đã đề nghị Lãnh đạo Bộ Công an và các cơ quan chuyên môn về hướng xử lý thanh toán cho Công ty Cổ phần T, nhưng vẫn đang trong quá trình xem xét và sẽ chỉ đạo Trại giam Đ sau khi được chấp thuận, về lãi suất không đồng ý trả lãi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2021/DS-ST ngày 28-12-2021, Tòa án nhân dân huyện M quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 144, Điều 147 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 385, Điều 386, Điều 398, Điều 422, khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 138, Điều 141, Điều 144, Điều 146 và Điều 147 của Luật Xây dựng năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và khởi kiện bổ sung của nguyên đơn là Công ty Cổ phần T.

- Buộc Trại giam Đ có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần T số tiền nợ công trình là 10.702.937.000 đồng và 6.384.302.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 17.087.239.000 đồng.

Ngoài ra, bản án cấp sơ thẩm còn tuyên phần án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 14-01-2022, bị đơn là Trại giam Đ kháng cáo bản án.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 74/2022/DS-PT ngày 20-4-2022, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Trại giam Đ; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2021/DS-ST ngày 28-12-2021 của Tòa án nhân dân huyện M.

- Ngày 17-5-2022, Trại giam Đ có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 73/QĐ-VKS-DS ngày 15-11-2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, sửa một phần Bản án dân sự phúc thẩm số 74/2022/DS-PT ngày 20-4-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, theo hướng không chấp nhận yêu cầu đòi tiền lãi của Công ty Cổ phần T và tính lại án phí.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Đối với số tiền xây dựng công trình:

Ngày 28-12-2012, Công ty Cổ phần T và Trại giam Đ ký kết Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 02/2012/HĐ-XD để thực hiện xây dựng gói thầu xây lắp số 01 tại Phân trại K3 - Trại giam Đắk Trung; ngày 30-6-2014, hai bên thực hiện xong và đã thanh lý hợp đồng. Tuy nhiên, để các hạng mục công trình gói thầu số 01 đưa vào sử dụng được thì cần phải xây dựng thêm một số hạng mục công trình tại gói

thầu số 02, như xây nhà thăm gặp, nhà ở cán bộ quản giáo, nhà kỷ luật số 02, tường rào cấm, tường rào phân khu thoáng, tường rào phân khu kín, sân đường nội bộ khu giam giữ; do đó, cùng ngày 30-6-2014, hai bên tiếp tục ký kết văn bản thỏa thuận để Công ty Cổ phần T tiếp tục xây dựng công trình. Ngày 29-12-2014, Công ty Cổ phần T đã hoàn thành công trình sớm hơn thời hạn và bàn giao cho Trại giam Đ đưa vào sử dụng; ngày 12-01-2015, các bên tiến hành nghiệm thu hoàn thành công trình và đưa vào sử dụng. Tại hồ sơ nghiệm thu giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành, các bên xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán là 11.741.215.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi căn cứ vào Báo cáo kiểm toán độc lập số 65a/2012/BCKT-AVN ngày 04-10-2021 của Công ty TNHH kiểm toán AVN Việt Nam, thì các bên thống nhất số tiền chưa thanh toán, cũng như giá trị hợp đồng là 10.702.937.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Trại giam Đ cũng thừa nhận còn nợ Công ty Cổ phần T số tiền này; do đó, Tòa án cấp phúc thẩm “Buộc Trại giam Đ phải trả cho Công ty Cổ phần T tiền nợ công trình 10.702.937.000 đồng” là có căn cứ.

[2]. Đối với số tiền lãi:

Tại Văn bản thỏa thuận ngày 30-6-2014 được ký kết giữa Trại giam Đ (là chủ đầu tư) với Doanh nghiệp tư nhân T (nay là Công ty Cổ phần T - Là nhà thầu) về việc thi công xây dựng các hạng mục như nhà thăm gặp, nhà ở cán bộ quản giáo, nhà kỷ luật số 02, tường rào cấm, tường rào phân khu thoáng, tường rào phân khu kín, sân đường nội bộ khu giam giữ là xuất phát từ sự tự nguyện, thỏa thuận, thống nhất của hai bên và sự thỏa thuận này không trái pháp luật. Như vậy, sau khi hoàn thành công trình, Trại giam Đ không trả tiền cho Công ty Cổ phần T là vi phạm nghĩa vụ trả tiền.

Tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự quy định:

“1) Trường hợp các bên có nghĩa vụ chậm trả tiền, thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2) Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”. Mặc dù, tại Biên bản thỏa thuận ngày 30-6-2014, các bên không thỏa thuận về lãi suất, nhưng do Trại giam Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần T; đồng thời, nguồn vốn Công ty Cổ phần T xây dựng cho Trại giam là vay vốn Ngân hàng; do đó, Tòa án cấp phúc thẩm “Buộc Trại giam Đ phải trả cho Công ty Cổ phần T 6.384.302.000 đồng tiền lãi” là đúng pháp luật.

Như vậy, kháng nghị giám đốc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã được Hội đồng giám đốc thẩm xem xét và không có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 1 Điều 343 và Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 73/QĐ-VKS-DS ngày 15-11-2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 74/2022/DS-PT ngày 20-4-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND huyện Krông Búk
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- TANDTC - Vụ II;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Chi cục THADS huyện Krông Búk;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng GDKT II, HCTP, LTHS.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Cường